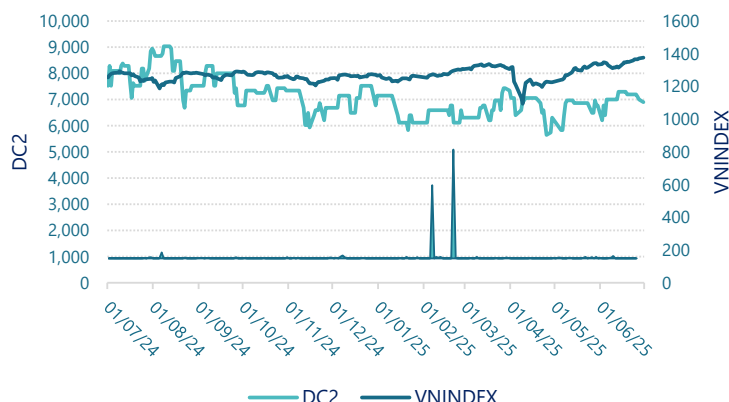


CTCP Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2 (HNX: DC2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,035
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,647
SL cổ phiếu LH	11,304,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	350
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
P/E	10.7
EPS	646

DT thuần

Q2/25

61.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.8 | 102%

YoY: ▼ 6.80 | -10.0%

LN sau thuế

Q2/25

1.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.89 | -37.7%

YoY: ▼ 0.05 | -3.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.1%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

6T 2025

91.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.30 | -4.4%

LN sau thuế

6T 2025

3.82

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.74 | 83.9%

ROE

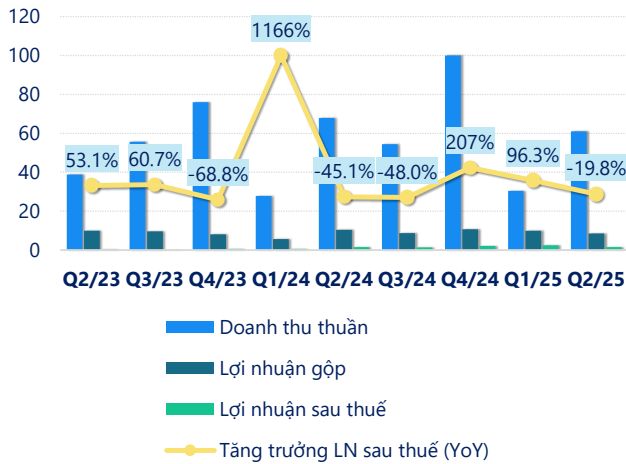
Q2/25

7.3%

+/- YoY: ▲ 3.8%

tỷ VNĐ

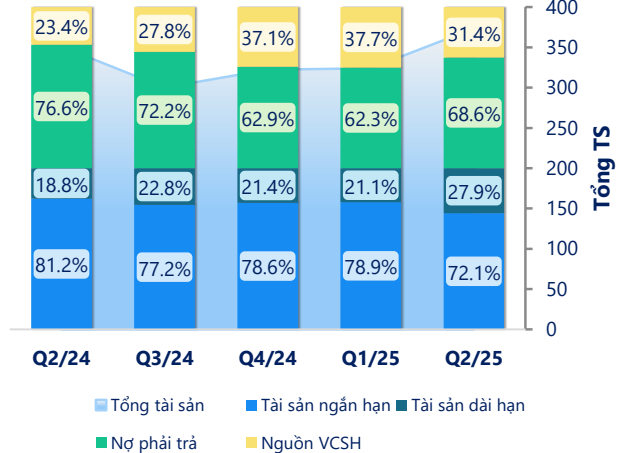
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

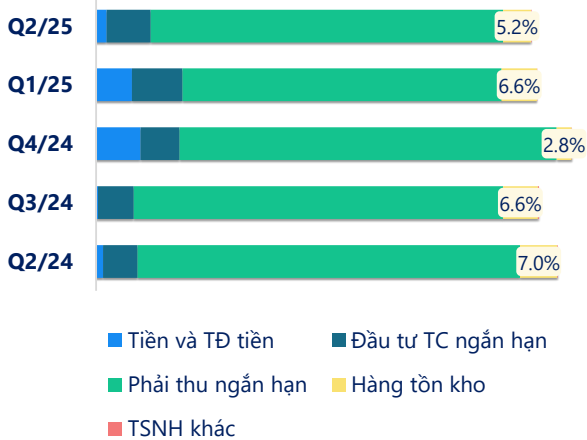
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



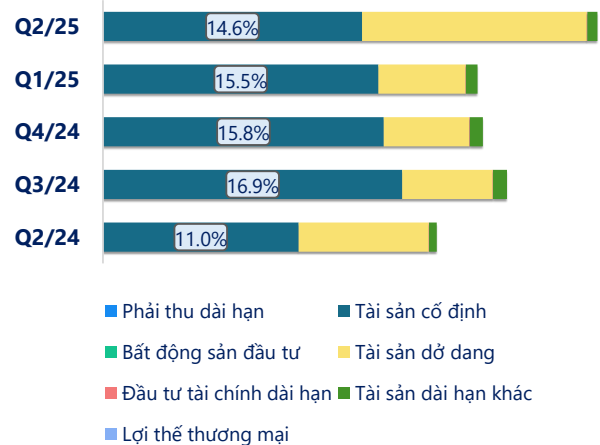
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

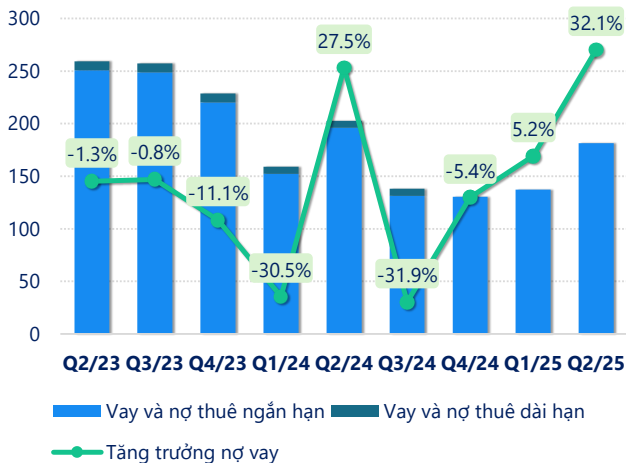
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

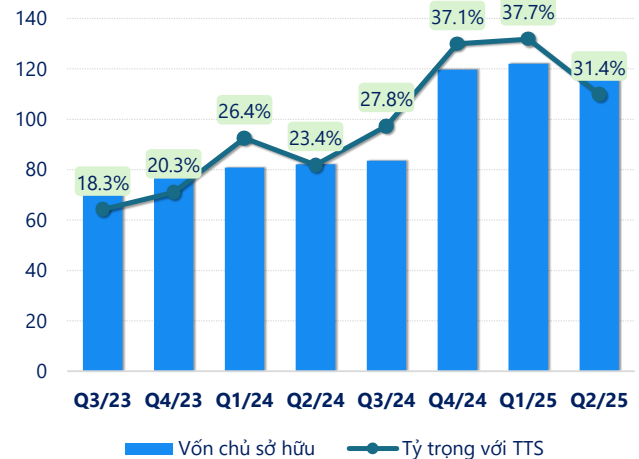
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

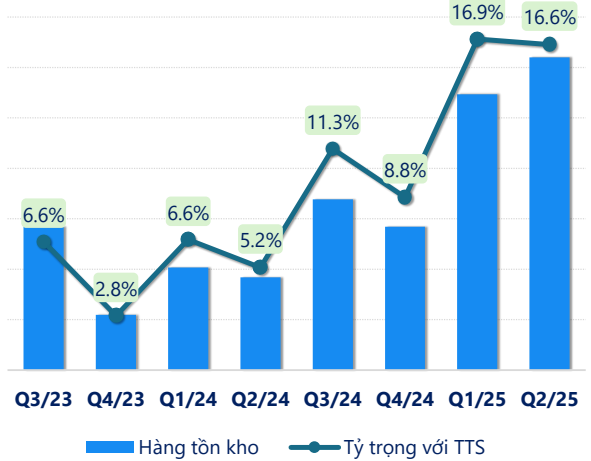
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

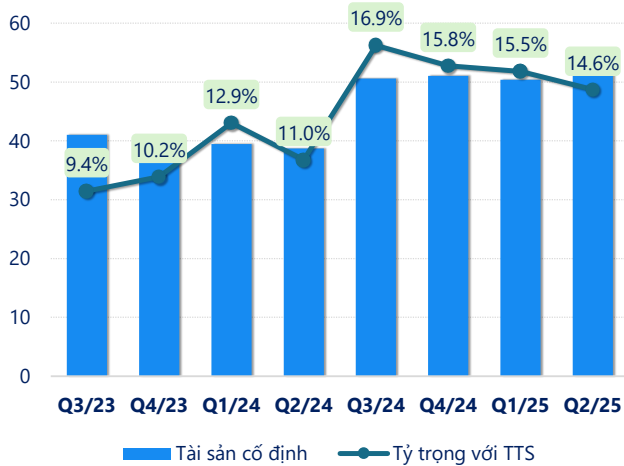
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

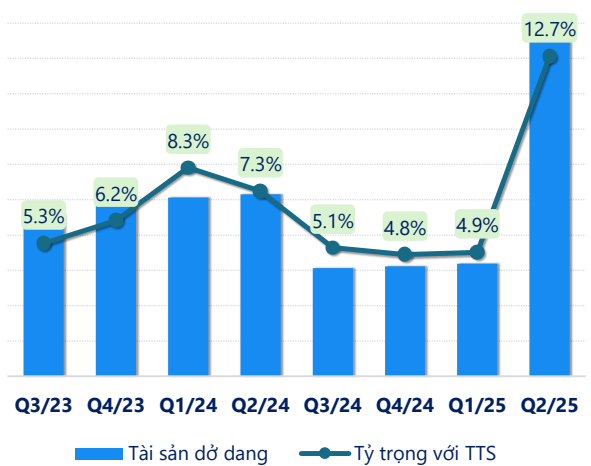
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

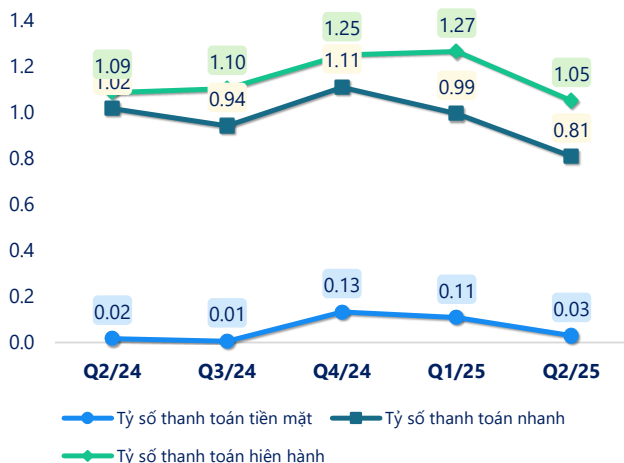
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



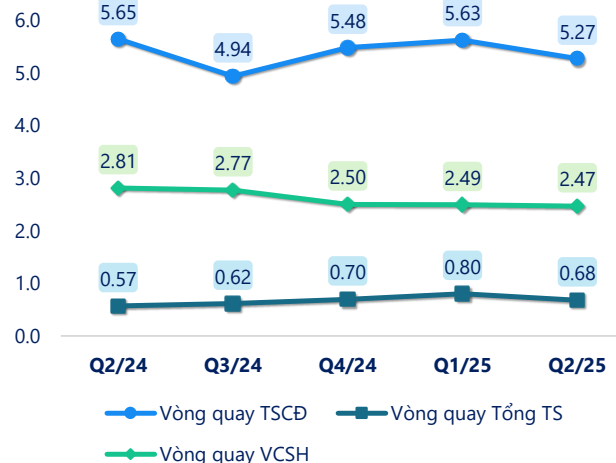
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	351	300	322	324	373
Tài sản ngắn hạn	285	232	253	256	269
Tiền và tương đương tiền	4.53	1.15	26.9	21.9	7.50
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.0	29.0	0	10.0	10.0
Phải thu ngắn hạn	233	166	198	167	184
Hàng tồn kho	18.4	33.9	28.4	54.7	62.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	1.29	0.35	2.35	6.00
Tài sản dài hạn	66.1	68.4	69.1	68.5	104
Phải thu dài hạn	0	0.04	0.04	0	0
Tài sản cố định	38.7	50.6	51.0	50.4	54.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.8	15.3	15.6	15.9	47.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
Tài sản dài hạn khác	1.50	2.34	2.37	2.08	2.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	269	216	203	202	256
Nợ ngắn hạn	262	210	203	202	256
Vay và nợ thuê ngắn hạn	196	131	131	137	181
Phải trả người bán ngắn hạn	54.9	50.0	50.9	54.5	57.5
Nợ dài hạn	6.63	6.63	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	6.63	6.63	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	82.1	83.5	120	122	117
Vốn chủ sở hữu	82.1	83.5	120	122	117
Vốn điều lệ	75.6	75.6	110	110	110
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)